

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/4/2024  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Nghĩa;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Sông Hương và bà Vũ Thị Vẻ

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ Ngày 18/12/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST – HNGĐ ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh La Văn V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Hà Thị Thủy trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh La Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình

nội, ngoại và thôn bản giải hòa nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2023, chị và anh V đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Đến nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Văn V.

Về con chung: Chị và anh La Văn V có 03 con chung là cháu La Thị Bích H, sinh ngày 02/6/2011; cháu La Anh C, sinh ngày 09/4/2013, cháu La Thu P, sinh ngày 24/4/2015. Hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng với anh La Văn V, các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa giải quyết cho anh anh La Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu La Thị Bích H; cháu La Anh C và cháu La Thu P cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; chị có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với 03 cháu theo định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ/01cháu/01tháng. Tổng cộng 03 cháu là 3.000.000đ/01tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Hà Thị T xác định trong thời gian chung sống anh chị không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn anh La Văn V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh V trình bày thống nhất với chị T về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh V nhất trí ly hôn với chị Hà Thị T.

Về con chung: Anh V xác nhận anh và chị Hà Thị T có 03 con chung là cháu La Thị Bích H, sinh ngày 02/6/2011; Cháu La Anh C, sinh ngày 09/4/2013; Cháu La Thu P, sinh ngày 24/4/2015. Hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng với anh, các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa giải quyết giao cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; chị Hà Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với 03 cháu mức định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ/cháu/tháng. Tổng cộng 03 cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, vay nợ chung: Anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện thể hiện:*

- Về thu nhập: Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai xác nhận chị Hà Thị T, anh La Văn V đều là lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập bình quân tại địa phương từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh V xảy ra mâu thuẫn từ năm 2022 và sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Ý kiến của các cháu La Thị Bích H, sinh ngày 02/6/2011; cháu La Anh C, sinh ngày 09/4/2013; cháu La Thu P, sinh ngày 24/4/2015 trình bày: Các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh La Văn V.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

#### **Tại phiên Tòa:**

Nguyên đơn chị Hà Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nêu trên;

Bị đơn anh La Văn V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh La Văn V.

Về con và cấp dưỡng: Giao cả 03 cháu La Thị Bích H; La Anh C; La Thu P cho anh La Văn V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ/01 tháng/01cháu. Tổng là 3.000.000đ/tháng cho cả 03 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị T khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn anh La Văn V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai . Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hà Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh La Văn V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh La Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn bản giải hòa nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2023, chị T và anh V đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Văn V.

Đối với bị đơn anh La Văn V cũng nhất trí với lời trình bày của chị Hà Thị T và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Như vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh La Văn V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu đề nghị giải quyết xin được ly hôn của chị Hà Thị T là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hà Thị T và anh La Văn V đều xác nhận vợ chồng không ai có con riêng, anh chị có 03 người con chung là cháu La Thị Bích H, sinh ngày 02/6/2011; cháu La Anh C, sinh ngày 09/4/2013 và cháu La Thu P, sinh ngày 24/4/2015. Quá trình giải quyết chị T và anh V đều đề nghị Tòa án giải quyết giao 03 cháu cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với 03 cháu mức định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ/01cháu/01tháng. Tổng cộng 03 cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi. Bản thân cháu La Thị Bích H; cháu La Anh C và cháu La Thu P cũng đều có nguyện vọng được ở cùng với anh La Văn V. Xét thấy chị T và anh V đều là lao động tự do tại địa phương, có thu nhập, điều kiện về kinh tế chăm sóc con cái. Trong thời gian anh chị sống ly thân, cháu La Thị Bích H; cháu La Anh C, cháu La Thu P đều ở cùng anh V, cuộc sống và học tập của các cháu đều được đảm bảo. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như đảm bảo việc học tập và cuộc sống ổn định của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật, cần giao cháu La Thị Bích H; cháu La Anh C; cháu La Thu P cho anh La Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh La Văn V đề nghị chị Hà Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với 03 cháu theo định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ/01cháu/01tháng. Tổng cộng 03 cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị T cũng nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với 03 cháu theo định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ/01cháu/01tháng. Tổng cộng 03 cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vì vậy cần chấp nhận ý kiến, nguyện vọng của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh La Văn V.

Về con chung: Anh La Văn V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Thị Bích H, sinh ngày 02/6/2011; cháu La Anh C, sinh ngày 09/4/2013; cháu La Thu P, sinh ngày 24/4/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với các cháu: La Thị Bích H; Cháu La Anh C; Cháu La Thu P theo định kỳ 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/01 tháng/01 cháu. Tổng cộng 03 cháu là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/01tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001402 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. Chị Hà Thị T còn phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh La Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Trần Văn Nghĩa**